

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2018

(Từ 06/11/2017 đến 28/8/2018)

Thực hiện Quyết định số 42/QĐ-TT ngày 17/01/2014 của Thanh tra tỉnh về việc ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng của ngành Thanh tra tỉnh Tiền Giang và Công văn số 404/UBND-NC ngày 13/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh thời gian báo cáo công tác phòng chống tham nhũng.

Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2018 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng: *Qua các cuộc họp sinh hoạt triển khai các văn bản, mạng máy tính nội bộ.*

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Thực hiện triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn của cấp trên đến CBCC bằng nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp (họp giao ban, thông tin trên mạng, họp phòng, họp Chi bộ, họp Tổ Công đoàn...). Để tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục Sở đã triển khai kịp thời các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Công đoàn đến từng CBCC: *Sở đang đã ban hành Kế hoạch số 156/KH-STTTT ngày 09/02/2018 về thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch số 157/KH-STTTT ngày 09/02/2018 về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018.*

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng: *Quyết định số 46/QĐ-STTTT ngày 04/4/2016 kiện toàn Ban chỉ đạo PCTN Sở gồm 06 thành viên, do Phó Giám đốc Sở làm Trưởng ban (thay thế Quyết định số 37/QĐ-STTTT ngày 21/11/2011).*

d) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Tại buổi họp giao ban định kỳ hàng tuần, tổ chức sinh hoạt các văn bản QPPL, văn bản mới của cấp trên ban hành đến Trưởng, Phó phòng thuộc Sở biết để tổ chức triển khai thực hiện đến toàn thể CBCC trong cơ quan; chấp hành nghiêm túc việc chào cờ vào 7 giờ sáng thứ hai hàng tuần.

Chi bộ, lãnh đạo Sở tiếp tục tổ chức quán triệt Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 6/2/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 về Quy chế tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

Trong thời kỳ báo cáo, Thanh tra sở xây dựng kế hoạch và triển khai tuyên truyền đến toàn thể CBCCVC, nội dung:

- Kế hoạch số 696/KH-TT ngày 17/10/2017 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ.

- Kế hoạch số 61/KH-TT ngày 09/01/2018 thực hiện phong trào thi đua theo Kế hoạch số 2964/KH-TTCTP ngày 28/11/2017 của Thanh tra Chính phủ.

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.

- Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về thực hiện thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017.

- Công văn số 234a/CTr-TT ngày 12/4/2018 của Thanh tra tỉnh về Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ chính trị ngành thanh tra năm 2018.

- Quyết định 63/QĐ-TTCTP ngày 26/02/2018 về phê duyệt "Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh năm 2017" do Thanh tra Chính phủ ban hành.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Thực hiện đúng theo Quyết định số 05/2014/QĐ-TTg công khai chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với CBCCVC và Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Sở tổ chức họp giao ban hàng tuần với các Trưởng, Phó phòng bộ phận để trao đổi công việc của tuần qua, kịp thời chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công việc của tuần tiếp theo và nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên nhận thức sâu sắc về công tác PCTN và áp dụng nhiều biện pháp để phòng ngừa, ngăn chặn, không để tình trạng tham nhũng có cơ hội xảy ra trong cán bộ, công chức, viên chức.

- Công khai hóa việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài sản của đơn vị hàng tháng, hàng quý tại cuộc họp giao ban; công tác tổ chức cán bộ, đề bạt, nâng lương, quy hoạch, đào tạo được thực hiện công khai, dân chủ để đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động.

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

- Sở đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo quyết định số 01/QĐ-STTTT ngày 02/01/2018.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, góp phần chống tham nhũng, chống lãng phí, từng cán bộ, công chức, viên chức ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, từ đó nghiêm túc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

- Quy định rõ các tiêu chuẩn, định mức, trách nhiệm cán bộ quản lý sử dụng ô tô, xăng xe, điện thoại, điện, nước, thực hiện khoán văn phòng phẩm, chi hỗ trợ tiền lương tăng thêm, chi hỗ trợ các ngày Lễ, Tết, khen thưởng... đều được công khai, minh bạch. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn, chức danh quản lý nhằm sử dụng kinh phí một cách tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả.

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng: Thực hiện đúng theo Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg, trong thời gian qua chưa phát hiện có CBCC nhận và nộp lại quà tặng.

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

- Sở đã niêm yết công khai và CBCCVC thực hiện đúng theo Quyết định 03/2007/QĐ-BNV (chưa có phản ánh về thái độ phục vụ khi thi hành công vụ của CBCCVC thuộc Sở).

- Thực hiện niêm yết đầy đủ “Những điều cán bộ, công chức, viên chức phải làm, những điều cán bộ, công chức, viên chức không được làm”; giới thiệu “12 hành vi tham nhũng” và Quy chế Văn hóa công sở... để niêm yết tại phòng làm việc cùng các văn bản pháp quy quan trọng liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của công chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, tạo điều kiện cho CBCC thuận tiện học tập, tiếp thu, nhận thức được thuận lợi, dễ dàng, tác động tích cực đến ý thức tuân thủ pháp luật đối với cán bộ công chức trong thừa hành công vụ.

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:

- Trong năm 2017, Sở có quyết định thực hiện chuyển đổi 01 vị trí công tác “Cấp giấy phép hoạt động Báo chí và Xuất bản” đối với ông Lê Thành Đô đang phụ trách lĩnh vực Xuất bản và bà Trần Thị Anh Thư, đang phụ trách lĩnh vực Báo chí. Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là 02 năm (Quyết định số 09a/QĐ-STTTT ngày 18/01/2017).

Căn cứ Điều 7 (được sửa đổi bổ sung) của Nghị định 150/2013/NĐ-CP: “Điều 7. Thời hạn định kỳ chuyển đổi. Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là từ 02 năm (đủ 24 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực”. Các phòng của Sở hiện có 2 hoặc 3 chuyên viên và do đặc thù công việc mang tính chuyên môn tương đối cao, một số có thời gian công tác chưa đủ 60 tháng. Do vậy, Sở sẽ thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác khi đủ thời gian quy định.

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ ngày 19/12/2013 và các văn bản chỉ đạo, đôn đốc của cấp trên: Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 6/2/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Kế hoạch số 05-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang về việc thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

Ngày 14/11/2017, Sở ban hành Công văn số 1412/STTTT-VP về việc phê duyệt danh sách CBCCVC thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập năm 2017. Danh sách có 29 CBCCVC (26 CBCC của cơ quan Sở và 03 CBCCVC của Trung tâm trực thuộc Sở).

Ngày 06/12/2017, Sở ban hành Kế hoạch số 1553/KH-STTTT về việc “Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2017” của CBCCVC cơ quan Sở; Biên bản số 1572/BB-STTTT ngày 08/12/2017 xác nhận việc công khai TSTN và Biên bản số 43/BB-STTTT ngày 10/01/2018 về kết thúc thời gian niêm yết việc công khai TSTN (*Đính kèm danh sách CBCCVC công khai tài sản thu nhập năm 2017*). (kể từ ngày 08/12/2017 đến hết ngày 08/01/2018).

Lãnh đạo Sở TT&TT đã chỉ đạo Văn phòng chủ trì tham mưu, phối hợp với Thanh tra Sở tổ chức thực hiện kê khai TSTN hàng năm. Nội dung triển khai gồm: lập danh sách đối tượng có nghĩa vụ kê khai TSTN; gửi mẫu bản kê khai, bản hướng dẫn kê khai đến từng cán bộ, công chức thuộc diện kê khai; tổng hợp bản kê khai; lưu trữ, gửi bản kê khai, công khai bản kê khai theo quy định..

g) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Trong thời gian qua Sở chưa phát hiện CBCCVC có dấu hiệu và hành vi tham nhũng.

h) Việc thực hiện cải cách hành chính:

Sở đã áp dụng ISO năm 2010; thực hiện giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa; niêm yết đầy đủ hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết các công việc hành chính; luôn không ngừng nghiên cứu để sửa đổi, bãi bỏ những thủ tục rườm rà, không phù hợp theo tinh thần các văn bản quy phạm pháp luật và liên tục duy trì, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả.

i) Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Sở đã áp dụng phần mềm quản lý văn bản từ năm 2008, hạn chế việc in ấn giấy tờ. Cán bộ công chức Sở sử dụng thành thạo và ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong xử lý công việc hàng ngày, 100% CBCC thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đều được trang bị 01 máy tính riêng; vận hành ổn định phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong quy trình tiếp nhận, xử lý văn bản nên 100% văn bản được tiếp nhận, xử lý có thời hạn và được quản lý chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra; trừ loại văn bản mật, tất cả văn bản còn lại phát hành ra ngoài đều được kiểm tra nội dung và được lưu trữ vào cơ sở dữ liệu trên mạng máy tính song song với hồ sơ giấy.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh sử dụng cổng thông tin điện tử (website) là: 127.

*** Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trong tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ như sau:**

1. Định hướng cho hệ thống phát thanh, truyền thanh trên địa bàn tỉnh dành thời lượng nhất định phục vụ cho công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Hàng tháng, Sở phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức họp giao ban báo chí nhằm định hướng công tác thông tin tuyên truyền cho các cơ quan báo chí địa phương và các cơ quan báo chí ngoài tỉnh thường trú tại tỉnh. Qua đó định hướng, chỉ đạo các cơ quan báo, đài thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về Phòng, chống tham nhũng.

Trong thời kỳ báo cáo, Sở phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức họp giao ban báo chí nhằm định hướng cho các cơ quan báo chí, Đài truyền thanh-Truyền hình cấp huyện tuyên truyền công tác PCTN theo Kế hoạch 23/KH-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.

Nhận xét đánh giá kết quả thực hiện:

Các cơ quan báo chí thực hiện đúng sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và cơ quan quản lý báo chí; thông tin phản ánh kịp thời các hoạt động của địa phương, đáp ứng nhu cầu thông tin và những vấn đề dư luận xã hội quan tâm.

Tuy nhiên vẫn còn một số thông tin trên báo chí ngoài tỉnh mang tính quy chụp ảnh hưởng đến công tác quản lý điều hành của chính quyền địa phương, tình hình an ninh trật tự địa phương và tâm lý người dân.

Phương hướng tới:

+ Tiếp tục phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy nâng chất giao ban báo chí; tăng cường quản lý, cung cấp thông tin qua môi trường mạng, đặc biệt là đưa thông tin trên các trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội; xử lý vi phạm thông tin trên báo chí, thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội.

+ Theo dõi, cập nhật thông tin các báo Trung ương nhằm tổng hợp điểm thông tin báo chí liên quan đến địa phương phục vụ công tác chỉ đạo cho các cuộc họp giao ban báo chí hàng tháng. Theo dõi và lắng nghe ý kiến của dư luận xã hội.

2. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc nâng cấp và thực hiện các dịch vụ hành chính công trực tuyến theo Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 25/02/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; đồng thời, tổ chức tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra và tuyên truyền để người dân và doanh nghiệp biết để phối hợp thực hiện:

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử theo mô hình tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh. Đến nay, có 208/208 đơn vị đã tổ chức thực hiện, gồm: 24 sở ban ngành tỉnh; 11 UBND cấp huyện; 173 UBND cấp xã, phường, thị trấn. Toàn bộ thủ tục hành chính đã được cập nhật lên hệ thống Một cửa điện tử tỉnh (1.958 thủ tục), các cơ quan nhà nước đều cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 trở lên với 197 thủ tục, 1.145 dịch vụ mức 3 (735 thủ tục cấp sở ngành, 317 thủ tục cấp huyện và 93 thủ tục cấp xã); 616 dịch vụ mức độ 4 (354 thủ tục cấp sở ngành, 170 thủ tục cấp huyện và 92 thủ tục cấp xã). So với cùng kỳ, mức độ 2 giảm 526 thủ tục; mức độ 3 tăng 205 thủ tục; mức độ 4 tăng 380 thủ tục.

Kết quả thực hiện

Tại thời điểm báo cáo (số liệu từ ngày 06/11/2017 đến ngày 30/8/2018), tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm quản lý hồ sơ “Một cửa điện tử” là 291.334 hồ sơ; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn 60,83%, đúng hạn 36% và 3,16% hồ sơ trễ hạn; Tổng số lượt truy cập vào trang dịch vụ hành chính công của tỉnh 339.968 lượt. So với cùng kỳ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn giảm 6,17%; đúng hạn tăng 26,6%, trễ hạn giảm 20,44%.

Khó khăn, hạn chế

- Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên trang một cửa điện tử tỉnh được cải thiện. Tuy nhiên, số lượng người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ qua mạng còn rất hạn chế do: Tâm lý lo ngại về sự không thuận tiện nên vẫn quen nộp hồ sơ giấy trực tiếp đến cơ quan; Do điều kiện kinh tế và kiến thức của người dân.

- Một số đơn vị chưa thực sự quan tâm, chưa ứng dụng công nghệ thông tin để giám sát công việc và giám sát việc giải quyết hồ sơ.

- Thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi, nên việc rà soát, cập nhật trên trang hành chính công chưa kịp thời.

Phương hướng thời gian tới

Đang phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Ấp Bắc và các đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến và tạo các chuyên mục, chuyên trang trên Báo Ấp Bắc theo Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh; Trong quý III/2018, tổ chức 12 lớp tập huấn về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin đã triển khai trong cơ quan nhà nước: 01 lớp cho các sở ban ngành tỉnh và 11 lớp cho UBND cấp huyện nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành và quản lý nhà nước tại các cơ quan, đơn vị. Tháng 10/2018, tiếp tục tổ chức các lớp ứng dụng CNTT cho CBCC của 10 xã thí điểm mô hình điện tử theo Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan cập nhật bộ thủ tục hành chính mới được công bố, gỡ bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, hết hiệu lực trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh:

Sở TT&TT đã phối hợp phòng Kiểm soát thủ tục hành chính – Văn phòng UBND rà soát, thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia;

Sở TT&TT đã chủ trì, phối hợp đơn vị triển khai dự án (Viễn thông Tiền Giang) đã triển khai thực hiện các nội dung sau:

+ Khảo sát, cập nhật các thủ tục hành chính lên hệ thống phần mềm một cửa điện tử;

+ Thực hiện nâng cấp các dịch vụ công truyền;

+ Thực hiện liên thông giữa hệ thống một cửa điện tử tỉnh và hệ thống phần mềm bưu điện (VNPOST) trong việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

+ Đã thực hiện liên thông hai chiều giữa phần mềm một cửa điện tử và phần mềm Vilis chuyên ngành tài nguyên và môi trường;

+ Triển khai hệ thống đăng nhập người dùng 01 lần (SSO) cho các hệ thống phần thông tin dùng chung như: phần mềm quản lý văn bản và điều hành; phần mềm một cửa điện tử; hệ thống thư điện tử công vụ,...

+ Đã tổ chức tập huấn cập nhật thủ tục hành chính lên trang một cửa điện tử tỉnh cho CBCC quản trị mạng cho các sở ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện với

46 cán bộ tham dự. Buổi tập huấn nhằm hướng dẫn các cơ quan đơn vị tự cập nhật thủ tục hành chính khi có sự thay đổi, bổ sung;

+ Đã triển khai tập huấn 01 lớp cho quản trị mạng các sở ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện về nội dung liên quan đến việc đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính Quốc gia, có 29 cán bộ tham dự.

k) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản: Thông qua ký hợp đồng với ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV), Sở đã thực hiện thanh toán lương, các khoản phụ cấp đối với cán bộ công chức, 100% qua tài khoản thẻ ATM.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không có.

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có.

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra: Không.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra: Không phát hiện.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Ban Giám đốc Sở, Phòng chuyên môn đã tích cực tham mưu công tác chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí tuyên truyền về công tác PCTN.

6. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

a) Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hóa, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện: Cấp ủy, Ban chỉ đạo thường xuyên triển khai, cụ thể hóa các Kế hoạch và kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung.

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong chiến lược quốc gia và kế hoạch thực thi Công ước: Tuyên truyền trong 100 % CBCCVN Sở các quy định, nội dung, Kế hoạch; thực hiện công khai trong các hoạt động của cơ quan; luôn nghiên cứu, cải tiến, khắc phục lỗi trong kiểm soát thủ tục hành chính (ISO).

c) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà bộ, ngành, địa phương đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân: *Hiện tại, tất cả CBCCVC Sở thực hiện rất nghiêm túc các quy định về PCTN, chưa có trường hợp nào vi phạm bị xử lý.*

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước: *Trước nay chưa xảy ra.*

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương: Qua triển khai quán triệt, tất cả CBCCVC Sở đã chấp hành tốt các quy định về PCTN, chưa có trường hợp nào vi phạm bị xử lý.

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước: Cấp ủy, Ban Giám đốc quan tâm đến công tác phòng chống tham nhũng. Ý thức của cán bộ, viên chức ngày một nâng cao, xem tham nhũng như là quốc nạn cần bài trừ tận gốc. Do chưa phát hiện có vụ việc tham nhũng nào xảy ra trong đội ngũ CBCC Sở, nên không có số liệu để so sánh.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng: Hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Chủ yếu là nguyên nhân chủ quan, Thanh tra Sở là đơn vị tham mưu của Sở chỉ có 03 nhân sự, lại phải thực hiện thanh kiểm tra chuyên ngành trên các lĩnh vực khác và kiêm nhiệm nhiều công tác.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới: Trong thời gian tới không xảy ra tình trạng tham nhũng.

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong CBCCVC Sở và nhân dân các quy định của pháp luật về PCTN.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT: Không

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2018 của Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TTra (S)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Lập

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Số liệu tính từ ngày 06/11/2017 đến 28/8/2018)

| MS | NỘI DUNG | ĐV TÍNH | SỐ LIỆU |
|----|--|------------|---------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | 0 |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 3 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | 121 |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | Lớp | 03 |
| 5 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | Tài liệu | 0 |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | |
| | <i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i> | | |
| 6 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 7 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0 |
| | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i> | | |
| 8 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới | Văn bản | 0 |
| 9 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | Văn bản | 01 |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Cuộc | 0 |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý | Vụ | 0 |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Người | 0 |

| | | | |
|----|---|------------|------|
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | Người | 0 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | Triệu đồng | 0 |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 0 |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 0 |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | Triệu đồng | 0 |
| | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i> | | |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức | CQ, TC, ĐV | 01 |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 0 |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0 |
| | <i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i> | | |
| 22 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | Người | 0 |
| | <i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i> | | |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 26 | Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | 0 |
| | <i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i> | | |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính | CQ, TC, ĐV | 01 |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc | % | 100% |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG | | |
| | <i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i> | | |

| | | | |
|----|--|-------|---|
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Vụ | 0 |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Người | 0 |
| | <i>Qua hoạt động thanh tra</i> | | |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | Vụ | 0 |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra | Người | 0 |
| | <i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i> | | |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức | Đơn | 0 |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết | Đơn | 0 |
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 0 |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 0 |
| | <i>Qua điều tra tội phạm</i> | | |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0 |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0 |
| | XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG | | |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | 0 |
| 40 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Người | 0 |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng; | Người | 0 |

| | | | |
|----|---|----------------|---|
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng | Người | 0 |
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | 0 |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 0 |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | 0 |
| | Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được | | |
| 49 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 50 | + Đất đai | m ² | 0 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | |
| 51 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 52 | + Đất đai | m ² | 0 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | |
| 53 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 54 | + Đất đai | m ² | 0 |
| | Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng | | |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù | Người | 0 |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó | Người | 0 |
| | + Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ | | |
| | + Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương | | |
| | + Tặng Giấy khen | | |
| 57 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng. | Người | 0 |
| 58 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi | Người | 0 |

| | | | |
|----|---|-----|---|
| | tham nhũng. | | |
| 59 | Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định của Nghị định 90/2013/NĐ-CP. | Đơn | 0 |
| 60 | Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình. | Đơn | 0 |
| 61 | Số đơn yêu cầu đã giải trình | Đơn | 0 |

Tiền Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2018

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Lập

DANH SÁCH
CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
(Số liệu tính từ ngày 06/11/2017 đến 25/5/2018)

| TT | Tên vụ | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc | Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc | Tóm tắt nội dung vụ việc |
|-----------|---------------|--|---|---------------------------------|
| 01 | 0 | 0 | 0 | // |
| 02 | 0 | 0 | 0 | // |
| 03 | 0 | 0 | 0 | // |

Tiền Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Lập